

Số: 23 /QĐ -VP

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh và công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Văn phòng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam**

**CHÁNH VĂN PHÒNG CỤC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-ĐCKS ngày 10 tháng 03 năm 2025 của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 3276/QĐ- BNNMT ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;*

*Theo đề nghị của Kế toán trưởng Văn phòng Cục,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Văn phòng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Cục, Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Cục chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Cục ĐCKS VN (để b/c);
- Website của Cục ĐCKS VN;
- Lưu: VT (TV 02);



**Trần Thế Tài**

Đơn vị: Văn phòng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam

Chương: 012

**BIỂU 02**

**CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 23 /QĐ-VP ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Chánh Văn phòng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam)

*ĐVT: 1.000 đồng*

STT	Nội dung	Dự toán được giao
<b>A</b>	<b>DỰ TOÁN THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ</b>	<b>1.284.000</b>
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>1</b>	<b>Thu phí, lệ phí</b>	<b>1.284.000</b>
	- Lệ phí cấp phép hoạt động khoáng sản	1.284.000
<b>2</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>1.284.000</b>
	- Lệ phí cấp phép hoạt động khoáng sản	1.284.000
<b>II</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách sự nghiệp khác</b>	<b>-</b>
<b>B</b>	<b>DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	<b>52.865.144</b>
<b>I</b>	<b>QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH</b>	<b>48.417.144</b>
	Kinh phí thực hiện tự chủ	28.972.000
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	19.445.144
<b>II</b>	<b>SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>	<b>2.920.000</b>
	Kinh phí thường xuyên	
	Kinh phí không thường xuyên	2.120.000
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN	800.000
<b>III</b>	<b>CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ</b>	<b>1.500.000</b>
	Kinh phí thường xuyên	-
	Kinh phí không thường xuyên	1.500.000
<b>IV</b>	<b>SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ</b>	<b>28.000</b>
	Kinh phí thường xuyên	-
	Kinh phí không thường xuyên	28.000